

Số: 1676/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 0678/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1991;

CCCD số: 074191000440 cấp ngày 19/8/2024

Hộ khẩu thường trú: 204/38 Y, tổ I, phường T (trước đây là phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 2 B, phường B (trước đây là Phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1995;

CCCD số: 079095007677 cấp ngày 28/9/2022

Địa chỉ: 3 đường N, phường B (trước đây là Phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2015, quyển số 01/2015 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B (nay là phường B) cấp

cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh S;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 0678/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh S

Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2015, quyền số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B (nay là phường B) cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh S ngày 01 tháng 12 năm 2015 hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 trẻ tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 08/01/2016 và Nguyễn Thanh Â, sinh ngày 06/6/2020.

Bà H và ông S thỏa thuận giao 02 trẻ Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh Â cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông S cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng). Bắt đầu thi hành ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 trẻ Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh Â đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông S chậm thực hiện việc cấp dưỡng số tiền trên thì ông S còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình về việc ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện nộp; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007380 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà H được hoàn trả lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Thanh S phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 5-Tp. Hồ Chí Minh
- Phòng THADS khu vực 5- Tp.Hồ Chí Minh
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Vũ Nam